TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thường

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà**:* Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị T; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn H; ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 5, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng (đã bị tuyên bố là người mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T2, thành phố Hải Phòng

vào ngày 04 tháng 6 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố 5, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 8 năm 2017, anh H đã bỏ đi biệt tích, không để lại địa chỉ, gia đình cũng tìm kiếm nhiều nơi nhưng đều không có kết quả, không ai biết được tin tức xác thực về việc anh H còn sống hay đã chết. Vì vậy, chị đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Dương tuyên bố anh Vũ Văn H là người mất tích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn H.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn H có 02 con chung là Vũ Quốc V, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2007 và Vũ Hoàng L, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2012, từ khi anh H bỏ đi, hai con chung do chị nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn H: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố anh Vũ Văn H là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt cho anh H các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh H về việc chị Đỗ Thị T xin ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Vũ Văn H; Về con chung: Giao các con chung Vũ Quốc V, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2007 và Vũ Hoàng L, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2012 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi

mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Đỗ Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Văn H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại tổ dân phố 5, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt cho anh H các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Văn H.

- Về nội dung:

[3] Chị Đỗ Thị T và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 6 năm 2007, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tuy anh Vũ Văn H không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh H về việc chị Đỗ Thị T xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Đỗ Thị T và anh Vũ Văn H đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh H đã bỏ đi biệt tích từ tháng 8 năm 2017 không để lại địa chỉ, không ai biết được tin tức xác thực anh H còn sống hay đã chết. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố anh Vũ Văn H là người mất tích. Vì vậy, căn cứ khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị T, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Vũ Văn H.

[5] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Vũ Văn H có 02 con chung là Vũ Quốc V, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2007 và Vũ Hoàng L, sinh ngày 20 tháng 6

năm 2012. Con chung hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh Vũ Văn H là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên cần giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Khi nào anh H có yêu cầu về vấn đề con chung, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Vũ Văn H không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Vũ Văn H không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 2, Điều 56; các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao các con chung Vũ Quốc V, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2007 và Vũ Hoàng L, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2012 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 12574 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
-UBND xã T1, huyện T2, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Thường **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**